

CHÍNH PHỦ
Số: 125/2003/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2003

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Về vận tải đa phương thức quốc tế

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 30 tháng 6 năm 1990;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 26 tháng 12 năm 1991 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 30 tháng 4 năm 1995;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp Nhà nước ngày 20 tháng 4 năm 1995;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 3 năm 1996;

Căn cứ Luật Khuyến khích đầu tư trong nước ngày 20 tháng 5 năm 1998;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 12 tháng 6 năm 1999;

Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 12 tháng 11 năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 9 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Luật Hải quan ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về hoạt động vận tải đa phương thức quốc tế của tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư tại Việt Nam và doanh nghiệp nước ngoài đăng ký kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế theo pháp luật Việt Nam.
2. Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với Nghị định này thì thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Vận tải đa phương thức quốc tế" (sau đây gọi tắt là vận tải đa phương thức) là việc vận chuyển hàng hoá bằng ít nhất hai phương thức vận tải khác nhau trên cơ sở một hợp đồng vận tải đa phương thức từ nơi người kinh doanh vận tải đa phương thức tiếp nhận hàng hoá ở một nước đến một địa điểm được chỉ định giao trả hàng ở nước khác.
2. "Người kinh doanh vận tải đa phương thức" là doanh nghiệp ký kết hợp đồng vận tải đa phương thức, tự chịu trách nhiệm thực hiện hợp đồng đó mà không phải là đại lý hoặc đại diện của người gửi hàng hoặc thay mặt người vận chuyển tham gia các hoạt động thực hiện vận tải đa phương thức.
3. "Hợp đồng vận tải đa phương thức" là văn bản theo đó người kinh doanh vận tải đa phương thức cam kết thực hiện hoặc tổ chức việc thực hiện vận tải đa phương thức và được thanh toán tiền cước vận chuyển.
4. "Chứng từ vận tải đa phương thức" là văn bản do người kinh doanh vận tải đa phương thức phát hành, là bằng chứng của hợp đồng vận tải đa phương thức, xác nhận người kinh doanh vận tải đa phương thức đã nhận hàng để vận chuyển và cam kết giao hàng đó theo đúng những điều khoản của hợp đồng đã ký kết.
5. "Người vận chuyển" là người thực hiện hoặc cam kết thực hiện một phần hoặc toàn bộ việc vận chuyển, dù người đó là người kinh doanh vận tải đa phương thức hay không phải là người kinh doanh vận tải đa phương thức.

6. "Người gửi hàng" là người ký kết hợp đồng vận tải đa phương thức với người kinh doanh vận tải đa phương thức.
7. "Người nhận hàng" là người được quyền nhận hàng hoá từ người kinh doanh vận tải đa phương thức.
8. "Tiếp nhận hàng" là việc hàng hoá đã thực sự được giao cho người kinh doanh vận tải đa phương thức từ người gửi hàng hoặc từ người được người gửi hàng uỷ quyền và được người kinh doanh vận tải đa phương thức tiếp nhận để vận chuyển.
9. "Giao trả hàng" là một trong các trường hợp sau đây:
- a) Việc giao trả hàng hoá cho người nhận hàng;
 - b) Hàng hoá được đặt dưới sự định đoạt của người nhận hàng phù hợp với quy định của hợp đồng vận tải đa phương thức hoặc quy định của pháp luật hoặc tập quán thương mại áp dụng tại nơi giao trả hàng;
 - c) Việc giao hàng hoá cho một nhà chức trách hoặc một bên thứ ba khác mà theo quy định của pháp luật áp dụng tại nơi giao trả hàng thì hàng hoá phải được giao như vậy.
10. "Hàng hoá" là bất cứ tài sản nào, kể cả công-te-nơ, cao bản hoặc các công cụ vận chuyển, đóng gói tương tự khác mà không do người kinh doanh vận tải đa phương thức cung cấp.
11. "Bằng văn bản" là một trong các hình thức sau: điện tín, telex, fax hoặc bất cứ phương tiện nào khác được in ấn, ghi lại, nhắc lại hoặc truyền các văn bản bằng cơ học, điện tử hoặc bằng bất kỳ loại thiết bị nào được dùng cho những mục đích đó.
12. "Ký hậu" là việc xác nhận của người nhận hàng hoặc của người được quyền xác nhận sau khi đưa ra chỉ dẫn trên chứng từ vận tải đa phương thức ở dạng chuyển nhượng được để chuyển giao hàng hoá nêu trong chứng từ đó cho người được xác định.
13. "Quyền rút vốn đặc biệt" (SDR) là đơn vị tính toán do Quỹ Tiền tệ quốc tế quy định. Tỷ giá của SDR đối với Đồng Việt Nam do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố.
14. "Ẩn tỳ" là những khuyết tật của hàng hoá, nếu chỉ kiểm tra bên ngoài hàng hoá một cách thông thường thì không thể phát hiện được.
15. "Trường hợp bất khả kháng" là những trường hợp xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

Điều 3. Thủ tục Hải quan

Hàng hoá vận tải đa phương thức được miễn kiểm tra hải quan. Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan đối với hàng hoá vận tải đa phương thức.

Điều 4. Quản lý nhà nước về vận tải đa phương thức

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về vận tải đa phương thức.
2. Bộ Giao thông vận tải thực hiện chức năng quản lý nhà nước về vận tải đa phương thức, là đầu mối giúp Chính phủ điều phối hoạt động liên ngành và hướng dẫn thực hiện quy định liên quan đến hoạt động vận tải đa phương thức.

Chương II

ĐIỀU KIỆN KINH DOANH VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC

Điều 5. Điều kiện kinh doanh vận tải đa phương thức

Doanh nghiệp Việt Nam, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam hoặc doanh nghiệp nước ngoài chỉ được kinh doanh vận tải đa phương thức sau khi được Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức hoặc Giấy phép đầu tư trong lĩnh vực kinh doanh vận tải đa phương thức (sau đây gọi chung là Giấy phép).

Điều 6. Điều kiện cấp Giấy phép

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây sẽ được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức :
 - a) Là doanh nghiệp Việt Nam có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vận tải đa phương thức;
 - b) Có bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp vận tải đa phương thức hoặc có bảo lãnh của ngân hàng cho người kinh doanh vận tải đa phương thức đối với tổn thất về mất mát, hư hỏng hàng hoá, giao hàng chậm và những rủi ro khác;
 - c) Có tài sản tối thiểu tương đương 80.000 SDR hoặc có bảo lãnh tương đương.
2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư tại Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây sẽ được cấp Giấy phép đầu tư trong lĩnh vực kinh doanh vận tải đa phương thức:
 - a) Có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

b) Có bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp vận tải đa phương thức hoặc có bảo lãnh của ngân hàng cho người kinh doanh vận tải đa phương thức đối với tổn thất về mất mát, hư hỏng hàng hoá, giao hàng chậm và những rủi ro khác;

c) Có tài sản tối thiểu tương đương 80.000 SDR hoặc có bảo lãnh tương đương.

3. Doanh nghiệp nước ngoài không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này, có đủ các điều kiện sau đây sẽ được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức :

a) Là doanh nghiệp của nước thành viên ASEAN đã ký kết Hiệp định khung ASEAN về vận tải đa phương thức hoặc là doanh nghiệp của nước đã ký hiệp định song phương, đa phương với Việt Nam về vận tải đa phương thức;

b) Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vận tải đa phương thức do Cơ quan có thẩm quyền của nước đó cấp và đã được hợp pháp hoá lãnh sự;

c) Có đại diện pháp lý tại Việt Nam là doanh nghiệp vận tải hoặc đại lý vận tải của Việt Nam, trong trường hợp là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thì vốn góp của phía Việt Nam không dưới 51%.

Điều 7. Thủ tục cấp Giấy phép

1. Doanh nghiệp Việt Nam quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị định này gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức đến Bộ Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức theo mẫu do Bộ Giao thông vận tải quy định;

b) Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

c) Bản kê khai tài sản của doanh nghiệp hoặc giấy tờ bảo lãnh tương đương;

d) Bản sao hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp hoặc bản sao Giấy bảo lãnh của ngân hàng.

2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư tại Việt Nam được quy định tại khoản 2 Điều 6 của Nghị định này gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đầu tư trong lĩnh vực kinh doanh vận tải đa phương thức đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Hồ sơ bao gồm:

a) Các loại giấy tờ theo quy định của pháp luật về đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

b) Bản kê khai tài sản của doanh nghiệp hoặc giấy tờ bảo lãnh tương đương;